

Số: 01/2024/QĐPT-VDS

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Thanh

- Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- Thư ký phiên họp: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2024/TLPT-VDS ngày 27 tháng 5 năm 2024.

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án” số 01/2024/QĐDS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng bị kháng nghị.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 69/2024/QĐPT-VDS ngày 10 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Võ Quốc T - Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương; địa chỉ: Số B đường B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn L, sinh năm 1953; bà Lê Thị L1, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Hồ Thị V, sinh năm 1970; địa chỉ: Đường số C, thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Nguyễn Thị Minh Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKS-DS ngày 08/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đối với Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 01/2024/QĐDS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông T, bà V có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 50/2022/QĐST-DS ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, bà Lê Thị L1 và bà Nguyễn Thị Minh Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Thị V số tiền 1.695.000.000đ. Ngày 20/7/2022, bà Hồ Thị V có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 696/QĐ-CCTHADS ngày 20/7/2022. Quá trình tổ chức thi hành án, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Minh Q không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương tiến hành xác minh điều kiện thi hành án với kết quả như sau: Vợ chồng bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn L đang quản lý, sử dụng tài sản gồm có: 1.616m² đất trồng dâu thuộc thửa 72 và 1.752m² (trong đó có 400m² đất ở và 1.352m² đất trồng cà phê và các tài sản khác gắn liền với đất) thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 01 tại xã Q, huyện Đ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 040068 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn L ngày 07/11/1991.

Căn cứ kết quả xác minh trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương ban hành Thông báo số 354/TB-CCTHADS ngày 07/12/2022 và Thông báo số 26/TB-CCTHADS ngày 21/02/2023 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Sau khi được thông báo, bà L1, ông L và bà V không có yêu cầu xác định phần tài sản chung và cũng không có căn cứ rõ ràng để Chấp hành viên phân chia tài sản chung để thi hành án nên Chấp hành viên được phân công có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của bà L1 trong khối tài sản trên để kê biên thi hành án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2023 ông Nguyễn L và bà Lê Thị L1 trình bày: Ông L và bà L1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1974, không đăng ký kết hôn. Nguồn gốc tài sản 1.616m² đất trồng dâu thuộc thửa 72 và 1.752m² (trong đó có 400m² đất ở và 1.352m² đất trồng cà phê và các tài sản khác gắn liền với đất) thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 01 tại xã Q, huyện Đ do cha ruột của ông L là ông Nguyễn C để lại từ năm 1976, khi tặng cho không lập giấy tờ gì. Ban đầu trên đất chỉ có căn nhà gỗ, về sau vợ chồng ông bà cùng tôn tạo thửa đất và xây nhà ở cho đến nay. Ông L, bà L1 xác nhận khối tài sản trên là tài sản riêng của ông L, không đồng ý xác định tài sản chung theo yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương và xin vắng mặt trong tất cả các thủ tục tố tụng giải quyết việc dân sự.

Theo kết quả xác minh ngày 12/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện: Ông Nguyễn L và bà Lê Thị L1 chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Tài sản là quyền sử dụng đất các thửa 72, 79 tờ bản đồ số 01; thửa

163, 164, 165, 138 tờ bản đồ số 04 tại xã Q, huyện Đ do ông Nguyễn L kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/9/2023 thể hiện: Khối tài sản ông L, bà L1 đang sử dụng gồm có:

Diện tích 1.616m² đất trồng dâu thuộc thửa 72 và 1.752m² (trong đó có 400m² đất ở và 1.352m² đất trồng cà phê) thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 01 tại xã Q, huyện Đ.

01 khối nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 117m²; kết cấu: tường gạch tô xi măng, mái lợp tôn, đà gỗ, nền gạch men;

01 chuồng trại diện tích xây dựng khoảng 60m²; kết cấu: tường gạch, mái lợp tôn, đà gỗ, nền tráng xi măng;

01 mái che diện tích khoảng 80m²; kết cấu: khung sắt, mái lợp tôn;

Cây trồng trên đất gồm có: 05 cây bơ khoảng 15 năm tuổi; 05 cây xoài khoảng 15 năm tuổi; 02 cây mít khoảng 05 năm tuổi; 03 cây mít khoảng 02 năm tuổi; 06 cây đu đủ; 07 bụi chuối; 01 cây hồng khoảng 15 năm tuổi; 01 cây đào và một số hoa, cây cảnh.

Ông L, bà L1 xác định toàn bộ tài sản gắn liền với đất đều do ông L tạo lập nên.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐDS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương về việc “*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án*”.

1.1. Xác định bà Lê Thị L1 có 1/2 phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung với ông Nguyễn L gồm có: 1.616m² đất trồng dâu thuộc thửa 72 và 1.752m² (trong đó có 400m² đất ở và 1.352m² đất trồng cà phê) thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 01 tại xã Q, huyện Đ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 040068 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn L ngày 07/11/1991.

1.2. Xác định bà Lê Thị L1 có 1/2 phần quyền sở hữu trong khối tài sản chung với ông Nguyễn L gồm có:

- 01 khối nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 117m²; kết cấu: tường gạch tô xi măng, mái lợp tôn, đà gỗ, nền gạch men;

- 01 chuồng trại diện tích xây dựng khoảng 60m²; kết cấu: tường gạch, mái lợp tôn, đà gỗ, nền tráng xi măng;

- 01 mái che diện tích khoảng 80m²; kết cấu: khung sắt, mái lợp tôn;

- Cây trồng trên đất gồm có: 05 cây bơ khoảng 15 năm tuổi; 05 cây xoài khoảng 15 năm tuổi; 02 cây mít khoảng 05 năm tuổi; 03 cây mít khoảng 02 năm

tuổi; 06 cây đu đủ; 07 bụi chuối; 01 cây hồng khoảng 15 năm tuổi; 01 cây đào và một số hoa, cây cảnh.

Ngoài ra, quyết định còn tuyên về lệ phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng kháng nghị Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐDS-ST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương; đề nghị hủy quyết định sơ thẩm trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, ông T, bà V đề nghị Hội đồng phiên họp phúc thẩm giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng phiên họp: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên họp hôm nay, Hội đồng phiên họp phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị Hội đồng phiên họp chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, hủy quyết định sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật hoặc hủy quyết định sơ thẩm và đình chỉ giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Về xác định tư cách tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2023 thể hiện người yêu cầu là ông Võ Quốc T - Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương là chưa chính xác nên cần xác định lại người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Võ Quốc T - Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

[2] Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

[3.1] Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 50/2022/QĐST-DS ngày 19/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Minh Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Thị V số tiền 1.695.000.000đ. Ngày 20/7/2022, bà Hồ Thị V có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương đã ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 696/QĐ-CCTHADS ngày 20/7/2022. Quá trình tổ chức

thi hành án, bà Lê Thị L1, bà Nguyễn Thị Minh Q không tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án với kết quả như sau: Vợ chồng bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn L đang quản lý, sử dụng tài sản gồm có: 1.616m² đất trồng dâu thuộc thửa 72 và 1.752m² (trong đó có 400m² đất ở và 1.352m² đất trồng cà phê và các tài sản khác gắn liền với đất) thuộc thửa 79, tờ bản đồ số 01 tại xã Q, huyện Đ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 040068 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn L ngày 07/11/1991.

[3.2] Tại Thông báo số 354/TB-CCTHADS ngày 07/12/2022 và Thông báo số 26/TB-CCTHADS ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Sau khi được thông báo, bà L1, ông L và bà V không có ai yêu cầu xác định phần tài sản chung nên Chấp hành viên được phân công có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xác định phần tài sản của bà L1 trong khối tài sản trên để kê biên thi hành án.

[3.3] Tại điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, ngày 18 tháng 07 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự quy định: *“Việc kê biên, xử lý tài sản chung của người phải thi hành với người khác được thực hiện như sau:*

Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ, chồng thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu của vợ, chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình và thông báo cho vợ, chồng biết.

Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng đất chung của hộ gia đình thì Chấp hành viên xác định phần sở hữu, sử dụng theo số lượng thành viên của hộ gia đình tại thời điểm xác lập quyền sở hữu tài sản, thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất. Chấp hành viên thông báo kết quả xác định phần sở hữu, sử dụng cho các thành viên trong hộ gia đình biết.

Trường hợp vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên thì có quyền yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được thông báo hợp lệ. Hết thời hạn này mà không có người khởi kiện thì Chấp hành viên tiến hành kê biên, xử lý tài sản và trả lại cho vợ hoặc chồng hoặc các thành viên hộ gia đình giá trị phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của họ”.

Theo quy định trên thì Chấp hành viên không có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của vợ chồng để thi hành án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thụ lý, giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của Chấp hành viên - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương là không đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Từ những phân tích trên cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, hủy quyết định sơ thẩm giải quyết việc

dân sự của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương và đình chỉ giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị V tự nguyện nhận chịu số tiền chi phí tố tụng là 900.000đ, đã nộp đủ và quyết toán xong.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1. Hủy Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐDS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương và đình chỉ giải quyết việc dân sự về việc “*Yêu cầu xác định phân quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án*” của Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương;

2. Về chi phí tố tụng: Bà Hồ Thị V phải chịu 900.000đ (chín trăm nghìn đồng), đã nộp đủ và quyết toán xong.

3. Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Đơn Dương (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (03);
- Lưu Hồ sơ việc dân sự (05).

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh